

Tác động của cấu trúc vốn tới lợi nhuận ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2011-2020¹

LÊ THANH PHƯƠNG*

Tóm tắt

Giai đoạn 2011-2020, hệ thống ngân hàng Việt Nam có nhiều sự thay đổi về cấu trúc vốn, quản trị rủi ro và từng bước áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong hoạt động ngân hàng. Tác động của những thay đổi về cấu trúc vốn tới khả năng sinh lời và lợi nhuận của ngân hàng là một vấn đề thực tiễn cần được nghiên cứu và đánh giá. Nghiên cứu sử dụng bộ dữ liệu từ 28 ngân hàng Việt Nam để tìm hiểu tác động từ thay đổi cấu trúc vốn tới lợi nhuận và chỉ ra rằng: (1) Thay đổi cấu trúc vốn tác động tích cực tới lợi nhuận ngân hàng; (2) Tỷ trọng cho vay càng lớn, thì khả năng sinh lời càng thấp; (3) Tác động của hiệu ứng quy mô lên khả năng sinh lời các ngân hàng là đáng kể.

Từ khóa: ngân hàng, Việt Nam, lợi nhuận, quy tắc vốn, Basel

Summary

In the period 2011-2020, Vietnamese banking system experienced many changes in capital structure, risk management and gradually applied international standards in banking operations. The impact of capital structure changes on bank profitability is a practical issue that needs to be studied and evaluated. This study collects the data from 28 Vietnamese banks to study the effects of capital structure changes on their profitability. Results show that: (1) Changes in capital structure have a positive effect on bank profitability; (2) The larger proportion of loans can lead to the lower level of bank profitability; (3) The scale effect on bank profitability is significant.

Keywords: bank, Vietnam, profit, capital regulation, Basel

GIỚI THIỆU

Giai đoạn 2011-2019, hệ thống ngân hàng Việt Nam thực thi các quy tắc về vốn theo quy định được ban hành bởi Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Nghiên cứu đầy đủ tác động của quy tắc vốn tới lợi nhuận ngân hàng là vấn đề có tính cấp thiết, nhằm giúp các ngân hàng có thể điều chỉnh hoạt động sao cho vừa đáp ứng đòi hỏi về vốn theo Basel II, vừa nâng cao khả năng sinh lời.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Một số quy định về vốn ngân hàng

Kể từ khi Hiệp định Basel I ra đời năm 1989, đến Basel II được ban hành năm 2004 và gần đây là Hiệp định Basel III vào năm 2010, định nghĩa về vốn

ngân hàng đã phát triển đáng kể trong nỗ lực cải thiện sự ổn định của hệ thống ngân hàng và lấp đầy các lỗ hổng về quy tắc đã gây ra các cuộc khủng hoảng tài chính trước đó.

Trong bối cảnh hệ thống ngân hàng Việt Nam chịu tác động lớn bởi sự mất ổn định trong giai đoạn 2006-2011, chuẩn mực Basel II được xem là giải pháp tối ưu để các ngân hàng phục hồi và phát triển trước những biến động khó lường của thị trường tài chính. Trên thế giới, các ngân hàng đã áp dụng Basel II từ 16 năm trước, nhưng tại Việt Nam, đến cuối năm 2019 mới có 18 ngân hàng tuyên bố hoàn tất triển khai chuẩn mực Basel II.

Basel II được triển khai đang và sẽ giúp các ngân hàng an toàn, lành mạnh hơn trong hoạt động tín dụng, trình độ quản trị rủi ro được cải thiện với mô hình rủi ro và hệ thống xếp hạng tín nhiệm nội bộ được áp dụng, bên cạnh đó, nguồn vốn ngân hàng được quản trị hiệu quả hơn. Một thay đổi đáng kể với hoạt động tín dụng của các ngân hàng thương mại là chuyển hướng sang

* TS., Khoa Quản trị - Tài chính, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

Ngày nhận bài: 12/3/2021; Ngày phản biện: 24/3/2021; Ngày duyệt đăng: 08/4/2021

¹ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Hàng hải Việt Nam trong Đề tài mã số: DT20-21.84

BẢNG 1: CÁC BIẾN TRONG MÔ HÌNH HỒI QUY

Biến số	Ký hiệu	Trung bình	Độ lệch chuẩn
<i>Biến giải thích</i>			
Tỷ lệ thu nhập lãi thuần	Y1	0.0505	0.0230
Hệ số sinh lời trên tài sản	Y2	0.0110	0.0084
<i>Biến độc lập</i>			
<i>Biến đại diện cấu trúc vốn</i>			
Tỷ lệ vốn cấp 1 trên tổng tài sản có rủi ro	C1	0.1145	0.0654
Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản có rủi ro	C2	0.0975	0.0626
Tỷ lệ vốn cấp 1 trên tổng tài sản	C3	0.1251	0.0711
Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản	C4	0.1063	0.0680
<i>Biến kiểm soát</i>			
Tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tài sản	X1	0.6588	0.1335
Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi trên tổng thu nhập	X2	0.2592	0.1839
Quy mô tài sản ngân hàng (dạng log)	X3	18.1266	1.4100

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả

đánh giá mức độ tín nhiệm của khách hàng, thay vì dựa chủ yếu vào tài sản đảm bảo. Sau khi đạt các tiêu chuẩn vốn theo Basel II, các ngân hàng có thể thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, do môi trường kinh doanh đạt yêu cầu quốc tế.

Căn cứ vào các định hướng nêu trên, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện các chính sách và cơ chế với mục tiêu áp dụng đầy đủ các tiêu chuẩn Basel II vào toàn bộ hệ thống ngân hàng thương mại. Ngày 17/3/2014, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Công văn số 1601/NHNN-TTGSNNH về việc lựa chọn 10 ngân hàng triển khai thí điểm Basel II, bao gồm: Vietcombank, Vietinbank, BIDV, VPBank, Techcombank, VIB, Maritime Bank, MB, Sacombank, ACB. Tiếp đó ngày 19/7/2017, Chính phủ ban hành Quyết định số 1058/QĐ-TTg về Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020, nhằm ban hành khung khổ pháp lý cần thiết, hướng dẫn các ngân hàng tiếp tục cơ cấu lại với trọng tâm là xử lý căn bản, triệt để nợ xấu; lành mạnh hóa thị trường tài chính, nâng cao năng lực quản trị các tổ chức tín dụng và hướng dẫn các ngân hàng thực hiện đầy đủ các trụ cột của Basel II.

Một diễn biến quan trọng khác là, căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-TW, ngày 01/11/2016 của Hội nghị lần thứ Tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Nghị quyết số 24/2016/QH14, ngày 08/11/2016 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020, Chính phủ đã yêu cầu Ngân hàng Nhà nước phải tăng cường chỉ đạo việc lành mạnh hóa hệ thống tài chính, nâng cao năng lực quản trị rủi ro của các tổ chức tín dụng. Theo đó, Ngân hàng Nhà

nước đã ban hành Thông tư số 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ở mức 8% tổng tài sản có rủi ro theo chuẩn Basel II, có hiệu lực từ ngày 01/01/2020. Các ngân hàng có khả năng thực hiện sớm, thì đăng ký áp dụng trước.

Lý thuyết về mối quan hệ giữa vốn ngân hàng với lợi nhuận

Lý thuyết về mối quan hệ giữa vốn ngân hàng với lợi nhuận được nhiều nhà nghiên cứu tiếp cận theo những hướng khác nhau. *Thứ nhất*, một số nhà nghiên cứu cho rằng, các ngân hàng có vốn hóa cao hơn, thì có lợi nhuận cao hơn vì họ có mức độ tín nhiệm cao hơn, tham gia nhiều hơn vào hoạt động cho vay thận trọng và vay ít hơn, điều này làm giảm chi phí và tăng lợi nhuận của họ. *Thứ hai*, một hướng tiếp cận khác cho rằng, các ngân hàng có vốn hóa nhiều hơn, thì có chất lượng quản lý tốt hơn, do đó thu nhập cao hơn và chi phí thấp hơn. Các ngân hàng có vốn hóa cao có chi phí phá sản thấp hơn, do đó làm giảm chi phí tài trợ và tạo ra lợi nhuận cao hơn.

Lý thuyết về mối quan hệ giữa vốn và lợi nhuận ngân hàng có nhiều cách tiếp cận khác nhau, song đều đi tới một kết luận chung, đó là, ngân hàng có mức vốn

BẢNG 2: KẾT QUẢ HỒI QUY PHẢN ẢNH TÁC ĐỘNG CỦA VỐN TỚI LỢI NHUẬN

	Biến phụ thuộc là tỷ lệ thu nhập lãi thuần (Y1)				Biến phụ thuộc là hệ số sinh lời trên tài sản (Y2)			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
<i>Biến đại diện cấu trúc vốn</i>								
C1	.0521251*** (.0196225)				.0371816*** (.0071457)			
C2		.0337934* (.020703)				.0291676*** (.0076688)		
C3			.0496898*** (.0180378)				.0342878*** (.006575)	
C4				.0322487* (.0189486)				.0265095*** (.0070263)
<i>Biến kiểm soát</i>								
X1	-.0273627** (.0123312)	-.0299418** (.0124939)	-.0366875*** (.0120102)	-.0352374*** (.0121244)	.0125349*** (.0044905)	.0114284** (.0046279)	.0059265 (.0043778)	.0068742 (.0044958)
X2	-.0235772*** (.0066571)	-.0238152*** (.006727)	-.0238561*** (.0066449)	-.0239885*** (.0067185)	.0008048 (.0024242)	.0007186 (.0024918)	.0005938 (.0024221)	.0005533 (.0024913)
X3	-.0046778 (.0043104)	-.0053905 (.004362)	-.0043794 (.0043206)	-.00516 (.00438)	.0031162** (.0015697)	.0028088* (.0016157)	.0032742** (.0015749)	.0029431* (.0016241)
Hệ số chặn	.1702948** (.0745963)	.1869867** (.0754753)	.1709854** (.0743122)	.1863926** (.0753446)	-.048732** (.027165)	-.0412355* (.0279572)	-.0471816* (.0270877)	-.0405145* (.0279383)
Kiểm định F	11.05***	10.16***	11.12***	10.5***	10.11***	8.64***	10.12***	8.61***
R ²	0.3859	0.3733	0.3874	0.3740	0.3650	0.3295	0.3653	0.3288

Ghi chú: C1: Tỷ lệ vốn cấp 1 trên tổng tài sản có rủi ro (risk weighted assets); C2: Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản có rủi ro; C3: Tỷ lệ vốn cấp 1 trên tổng tài sản; C4: Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản; X1: Tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tài sản; X2: Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi trên tổng thu nhập; X3: Quy mô tài sản ngân hàng (dạng log). Độ lệch chuẩn trong ngoặc đơn. Sử dụng hồi quy tác động cố định (fixed-effects). ***, **, * là chú thích mức ý nghĩa lần lượt 1%, 5% và 10%.

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả

hóa cao hơn, thì lợi nhuận cao hơn. Một vấn đề đặt ra là quan hệ giữa vốn - lợi nhuận có đúng trong điều kiện các ngân hàng thương mại Việt Nam hay không? Phần tiếp theo tác giả sử dụng dữ liệu các ngân hàng Việt Nam để đưa ra kết luận về mối quan hệ giữa vốn và lợi nhuận ngân hàng.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ DỮ LIỆU

Để nghiên cứu tác động của vốn ngân hàng đến lợi nhuận, mô hình hồi quy tác động cố định (fixed-effects) được sử dụng:

$$Y_{it} = \alpha + \beta \times C_{it} + \gamma \times X_{it} + \sum_i \text{Time}_i + \varepsilon_{it}$$

Trong đó:

Biến độc lập Y là các chỉ tiêu đánh giá khả năng sinh lời (đo bằng tỷ lệ thu nhập lãi thuần hay hệ số sinh lời trên tài sản).

Biến phụ thuộc C đo lường tác động của sự thay đổi cấu trúc vốn ngân hàng lên lợi nhuận. Nghiên cứu này sử dụng một số biến đại diện cho cấu trúc vốn bao gồm:

- Tỷ lệ vốn cấp 1 trên tổng tài sản có rủi ro (risk weighted assets);
- Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản có rủi ro;
- Tỷ lệ vốn cấp 1 trên tổng tài sản;
- Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản.

Ngoài ra, trong mô hình hồi quy còn có các biến kiểm soát (control variables), bao gồm: (1) Tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tài sản; (2) Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi trên tổng thu nhập; (3) Quy mô tài sản ngân hàng. Biến thời gian *Time* đại diện cho các năm từ 2011 đến 2019.

Dữ liệu được thu thập từ báo cáo tài chính các ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2011-2019. Có 28 ngân hàng được thu thập dữ liệu, trong đó có 20 ngân hàng cổ phần, 4 ngân hàng thuộc sở hữu nhà nước và 4 ngân hàng nước ngoài/liên doanh (*Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế*).

Các biến trong mô hình hồi quy được thể hiện như Bảng 1.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tác động của cấu trúc vốn lên lợi nhuận ngân hàng

Các kết quả tại Bảng 2 chỉ ra mối quan hệ cùng chiều giữa cấu trúc vốn và lợi nhuận ngân hàng ở các mức ý nghĩa khác nhau từ 1% đến 10%. Cụ thể là ngân hàng có cấu trúc vốn an toàn hơn, thì khả năng sinh lời cao hơn. Các biến đại diện cho khả năng sinh lời (bao gồm: tỷ lệ thu nhập lãi thuần và hệ số sinh lời trên tài sản) có tương quan dương với các biến đại diện cho cấu trúc vốn (bao gồm: tỷ lệ vốn cấp 1 trên tổng tài sản có rủi ro; tỷ lệ vốn cấp 1 trên tổng tài sản; tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản và tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản có rủi ro).

Trong bối cảnh khu vực ngân hàng tại Việt Nam trải qua thời kỳ tái cấu trúc (2011-2019), với mục tiêu là nâng cao chất lượng quản trị rủi ro và năng lực quản trị ngân hàng, thì mối quan hệ tương quan giữa cấu trúc vốn và khả năng sinh lời có thể được giải thích với một số yếu tố. Thứ nhất, các ngân hàng có vốn hóa cao thường có độ tín nhiệm cao và thận trọng trong cho vay, do đó chi phí liên quan đến nợ xấu và xử lý nợ xấu thấp và làm tăng lợi nhuận. Thứ hai, các ngân hàng có cấu trúc vốn tốt hơn, thì uy tín trên thị trường tiền tệ tốt hơn, do đó làm giảm chi phí tài trợ và làm tăng lợi nhuận.

Tác động các biến kiểm soát lên lợi nhuận ngân hàng

Tác động của tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản:

Tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản tác động ngược chiều lên tỷ lệ thu nhập lãi thuần. Theo đó, ngân hàng có tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản lớn hơn, thì tỷ lệ thu nhập lãi thuần thấp hơn. Điều này có thể giải thích là các ngân hàng có tỷ trọng cho vay lớn thường phải huy động vốn với chi phí cao hơn, do đó làm giảm lãi thuần.

Ngược lại, kết quả nghiên cứu cho thấy, quan hệ cùng chiều giữa tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản với hệ số sinh lời trên tài sản. Tuy nhiên, kết quả thu được là không bền vững, do hệ số hồi quy trong mô hình (3) và (4) không có ý nghĩa.

Tác động của tỷ lệ thu nhập ngoài lãi trên tổng thu nhập:

Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi tác động ngược chiều lên tỷ lệ thu nhập lãi thuần. Điều này cho thấy các ngân hàng càng đa dạng hóa hoạt động kinh doanh và do đó có tỷ lệ thu nhập ngoài lãi cao hơn thì ít phụ thuộc hơn vào thu nhập từ hoạt động tín dụng. Tuy nhiên, tác động của tỷ lệ thu nhập ngoài lãi lên hệ số sinh lời trên tài sản là không có ý nghĩa thống kê.

Tác động của quy mô tài sản:

Quy mô tài sản có tác động cùng chiều lên hệ số sinh lời trên tài sản. Cụ thể là ngân hàng có quy mô tài sản lớn hơn, thì sẽ có hiệu quả sử dụng tài sản cao hơn. Hiệu ứng theo quy mô này có thể được giải thích là các ngân hàng có quy mô lớn hơn, thì khả năng đa dạng hóa danh mục tài sản tốt hơn, theo đó rủi ro và chi phí liên quan tới rủi ro cũng ít hơn.

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Giai đoạn 2011-2020, hệ thống ngân hàng Việt Nam thực hiện quá trình tái cấu trúc với việc tuân thủ các quy định khắt khe về vốn, quản trị rủi ro và thực hiện lộ trình hội nhập quốc tế. Những thay đổi này tác động đáng kể tới lợi nhuận và khả năng sinh lời tại các ngân hàng.

Sử dụng bộ dữ liệu từ 28 ngân hàng Việt Nam trong giai đoạn 2011-2019, các kết quả chỉ ra có sự liên hệ giữa thay đổi cấu trúc vốn tới khả năng sinh lợi của hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, các ngân hàng có tỷ trọng cho vay lớn hơn, thì mức lãi thuần thấp hơn. Các ngân hàng càng ít phụ thuộc vào thu nhập từ lãi tín dụng sẽ có tỷ lệ lãi thuần thấp hơn. Nghiên cứu đồng thời ghi nhận tác động của quy mô ngân hàng lên khả năng sinh lời.

Từ các kết quả được trình bày ở trên, tác giả rút ra một số gợi ý chính sách để phát triển hệ thống ngân hàng từ sau năm 2020, đó là:

Thứ nhất, các ngân hàng cần tiếp tục bổ sung và hoàn thiện cấu trúc vốn nhằm đạt các yêu cầu về tiêu chuẩn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, đồng thời có thể gia tăng khả năng sinh lời.

Thứ hai, các ngân hàng có thể gia tăng quy mô tài sản bằng nhiều cách, như: gia tăng huy động, tăng cường sáp nhập và mua lại, hoặc liên kết với ngân hàng nước ngoài. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tô Ngọc Hưng, Phạm Quỳnh Trang (2018). Những vấn đề quan tâm để triển khai Basel II trong quản trị rủi ro tín dụng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam, *Tạp chí Khoa học & Đào tạo ngân hàng*, số 197, tháng 10/2018
2. Demirgüç-Kunt, A., and Huizinga, H. (1999). Determinants of commercial bank interest margins and profitability: some international evidence, *The World Bank Economic Review*, 13(2), 379-408
3. Tan, Y. (2016). The impacts of risk and competition on bank profitability in China, *Journal of International Financial Markets, Institutions and Money*, 40, 85-110